TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2019
V/v tranh chấp về "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp;

Bà Mai Thị Kim Thanh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Ngô Quốc Việt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2019 tranh chấp về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quyết T, sinh năm 1947; cư trú tại: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948; cư trú tại: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07-5-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quyết T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T1 chung sống vợ chồng từ năm 1971, không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống vợ chồng vẫn sống hạnh phúc cùng với con trai, nhưng cách nay khoảng 05 năm, do con trai thiếu tôn trọng và đuổi ông ra khỏi nhà, nên ông phải đi sống nơi khác. Ông đã nhiều lần thuyết phục bà T1 về sống chung để giúp đỡ, chăm sóc lúc tuổi già; anh, em trong gia đình đến động viên, thuyết phục nhưng bà T1 cương quyết sống ly thân. Nay tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn, ông T yêu cầu xin ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có 02 người, người con lớn tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; người con nhỏ tên Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1979 đã thành niên, có gia đình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của bà Nguyễn Thị T1: Bà và ông Nguyễn Quyết T sống chung từ năm 1968, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, cách nay khoảng 04 năm giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không còn tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Có 02 người như ông T trình bày, con chung đã thành niên, đã có gia đình riêng, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T, bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ông T, bà T1 chung sống vợ, chồng từ năm 1971 không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, việc chung sống giữa ông T, bà T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong cuộc sống giữa ông T, bà T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắng được, giữa ông, bà có thời gian dài sống ly thân, nay ông T, bà T1 thuận tình ly hôn là tự nguyện nên ghi nhận; về con chung đã thành niên, ông T, bà T1 không yêu cầu giải quyết; tài sản chung nợ chung tự thỏa thuận, nên ghi nhận; đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử vắng mặt ông T, bà T1.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị T1 chung sống vợ chồng từ năm 1971, không đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội khóa X; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03-01-2001 của Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp thì trường hợp chung sống vợ chồng giữa ông T, bà T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm chung sống, được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, giữa ông T và bà T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên ông T ra sống riêng và ly thân với bà T1 khoảng từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét về tình cảm vợ chồng giữa ông T, bà T1 không còn, không thể hàn gắn được, việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T1 là tự nguyện nên ghi nhận.

[3] Về con chung, có 02 người tên Nguyễn Thị Cn, sinh năm 1972 và Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1979 đều khỏe mạnh, có gia đình riêng và cuộc sống ổn định, ông T, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông T, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm được xử lý như sau: Ông Nguyễn Quyết T, sinh năm 1947, đến thời điểm xét xử ông T trên 60 tuổi thuộc diện người cao tuổi. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 và Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1979 đều khỏe mạnh, ông T, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân cho ông Nguyễn Quyết T.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi đương sự cư trú./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Tân Châu;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Châu;*
- *UBND xã B;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu tập án, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Quốc Vũ